

德明財經科技大學境外生安全宣導

ĐẠI HỌC KỸ THUẬT TÀI CHÍNH ĐỨC MINH TUYÊN TRUYỀN VỀ CHÍNH SÁCH AN TOÀN CHO DU HỌC SINH

一、校園及人身安全：

學校會全面強化校園門禁安全管制、校園巡邏措施及監視（錄）器材及緊急求救鈴設備設置，警衛巡查校園時，監視系統及門禁管制應責由專人監看或建立管理措施，以免發生安全間隙。與轄區警政單位保持聯繫，強化落實校園周邊安全巡邏，並依學校與警察單位簽署之「維護校園安全支援約定書」，建立預警與社區聯防機制，有效即時應處突發事件。課後社團及課後照顧班或自習班級之教室應集中配置，減少放學後樓層出入口動線，便於加強管控人員出入，提醒學生如在校遇陌生人或可疑人物，應立即通知師長，防止意外事件發生。

利用相關課程或集會時機，加強學生安全意識及被害預防觀念教育，應提醒學生寒假期間配合學校作息，上學勿單獨太早到校，課餘時，避免單獨留在教室；請務必結伴同行，避免單獨到校園偏僻的死角，確保自身安全。學生放學不要太晚離開校園，或由家人陪同，絕不單獨行經漆黑小巷或人煙罕至的地方及進出危險場所。

學生若於校內外遭遇陌生人或發現可疑人物，應立即通知師長或快速跑至人潮較多地方或最近便利商店，大聲喊叫吸引其他人的注意，尋求協助。請各級學校提醒學生夜間返回租屋處尤須注意門戶安全及可疑份子；另行經偏僻昏暗巷道時，應小心不明人士跟蹤尾隨，並隨身攜帶個人自保物品如防狼噴霧劑、哨子等，以備不時之需。

一. Khuôn viên và an toàn cá nhân:

Nhà trường sẽ tăng cường việc kiểm soát an ninh ra vào khuôn viên trường, các biện pháp tuần tra khuôn viên, thiết bị giám sát (ghi âm) và thiết bị chuông khẩn cấp. Khi bảo vệ tuần tra khuôn viên, hệ thống giám sát và kiểm soát ra vào phải được giám sát bởi nhân viên chuyên dụng hoặc các biện pháp quản lý cần được thiết lập tránh khoảng cách với các lỗ hổng không an toàn. Giữ liên lạc với đơn vị cảnh sát trong khu vực, tăng cường thực hiện tuần tra an ninh xung quanh khuôn viên trường, và thiết lập cơ chế cảnh báo sớm và phòng thủ chung theo phương án "Giữ gìn và Bảo Vệ An toàn Khuôn viên trường" do nhà trường và cảnh sát ký kết. Đề ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp trong thời gian học tập, Các phòng học và câu lạc bộ sau giờ học nên được bố trí để giảm ồn tắc sau giờ học. Để tăng cường kiểm soát việc ra vào của nhân viên và nhắc nhở học sinh rằng nếu họ gặp người lạ hoặc người khả nghi ở Trường cần báo ngay cho giáo viên để đề phòng tai nạn xảy ra.

Tổ chức các khóa học liên quan hoặc thu thập thông tin để tăng cường nhận thức của sinh viên về an toàn và giáo dục các khái niệm phòng ngừa. Nhắc nhở học sinh hợp tác với nhà trường trong kỳ nghỉ đông và nghỉ hè. Không nên đến trường quá sớm và tránh ở lại một mình trong lớp học. Hãy nhớ đi du lịch với đồng nghiệp tránh ở một mình và không đến những nơi hẻo lánh để đảm bảo an toàn cho chính bạn. Học sinh không nên rời khuôn viên trường quá muộn sau giờ học, không bao giờ đi bộ một mình qua những con đường hẻm tối, hoặc ra vào những nơi nguy hiểm.

Nếu học sinh gặp người lạ hoặc phát hiện có người khả nghi trong hoặc ngoài trường, cần thông báo ngay cho giáo viên hoặc nhanh chóng chạy đến chỗ đông người hoặc cửa hàng tiện lợi gần nhất, hét thật to để thu hút sự chú ý của người khác và tìm kiếm sự hỗ trợ. Đề nghị các cấp học nhắc nhở học sinh đặc biệt chú ý đến cửa an toàn và các yếu tố khả nghi khi quay lại nhà trọ vào ban đêm, khi đi qua các ngõ vắng, khuất tầm nhìn nên cẩn thận, không truy tìm tung tích người chưa rõ danh tính, mang theo đồ đạc cá nhân. các vật dụng tự bảo vệ như bình xịt, còi, vv, để sử dụng trong trường hợp cần thiết.

一.キャンパスと個人の安全：

学校は、キャンパスセキュリティ制御、キャンパスパトロール対策、監視（録音）機器、緊急通報機器を全面的に強化します。警備員がキャンパスをパトロールする場合、監視システムとアクセス制御は専門の担当者が監視するか、管理手段を確立する必要があります。管轄の警察署と連絡を取り合い、キャンパス周辺の警備パトロールの実施を強化し、学校と警察署が署名した「キャンパスの安全を維持するための支援契約書」に従って、早期警告とコミュニティの共同防衛メカニズムを確立します。緊急事態にリアルタイムで効果的に対応します。放課後のフロアの入出りの流れを減らすために、放課後のクラブ活動や自習クラスの教室は、人員の

アクセスの制御を強化するためにまとめて配置する必要があります。学生は学校で見知らぬ人や不審者に遭遇した場合、事故を防ぐためにすぐに教師に通知する必要があります。関連するコースや集会の機会を利用して、生徒の安全に対する意識と被害を防ぐ概念を強化します。生徒は、冬休み中に学校に登校する際、学校に早く到着しないようにし、教室に一人であることを避けます。休み時間は、必ず誰かと行動し、一人でいることは避けてください。自分の安全を確保するために、キャンパスの人混みが少ない場所に行くのは避けてください。学生は放課後遅い時間に下校するのを避ける、もしくは家族と一緒に下校してください。また、暗い路地を一人で歩いたり、危険な場所を出入りしたりしないでください。生徒が学校の内外で見知らぬ人に出会ったり、不審者を見つけたりした場合は、すぐに教師に通知するか、人混みの場所や最寄りのコンビニエンスストアに急いで駆け寄り、大声で叫んで他の人の注意を引き付け、助けを求めてください。各学校は、夜間に自宅に戻るときは、ドアの戸締りの安全性と不審なことがないか特別な注意を払うように生徒に注意を促す必要があります。薄暗い道を通過するときには、見知らぬ人に追跡されないように注意し、念のために防犯スプレー、笛などの自己防衛アイテムを持ち歩いてください。

一、Keamanan Kampus dan Pribadi

Kampus akan memperketat kontrol akses pintu gerbang, melakukan tindakan patroli, menyiapkan pengawasan ketat (CCTV), dan bel darurat. Saat penjaga berpatroli di Kampus, sistem pemantauan & kontrol akses pintu gerbang akan dijaga oleh orang yang berdedikasi, agar tidak terjadi celah keamanan. Tetap berhubungan dengan unit polisi yang yurisdiksi, memperkuat pelaksanaan patroli keamanan di sekitar kampus, dan sesuai dengan “Perjanjian Dukungan Keamanan Kampus” yang ditandatangani oleh sekolah dan kepolisian, membangun peringatan dini dan mekanisme pertahanan bersama komunitas, ekstrakurikuler dan kelas penitipan, atau kelas belajar mandiri harus disatukan di suatu tempat, jam pulang sekolah siswa harus mengurangi waktu keluar masuk sekolah, dan akan juga memperkuat penjaga patroli keamanan keluar masuk siswa, memperingati kepada siswa jika melihat orang yang tidak dikenali atau orang yang berkelihatan aneh, harus segera memberitahu kepada guru, mencegah terjadi kecelakaan.

Memanfaatkan waktu dan materi yang banyak untuk menambah ilmu kepada siswa cara mencegah kecelakaan dan cara menjaga keamanan siswa, dan memperingati kepada siswa pada waktu liburan semester mohon mengikuti aturan jam sekolah, dan pada jam sekolah jangan sendirian terlalu awal sampai di sekolah, pada jam kosong, jangan sendirian berada di dalam kelas, harus di temani bersama teman, jangan juga berada di tempat yang sepi atau pojok, harus menjaga keamanan diri sendiri, jam pulang sekolah siswa tidak boleh terlalu lama berada didalam sekolah, atau boleh ditemani oleh keluarga, Jangan pernah berjalan sendirian di gang yang gelap atau di jalan yang tidak bisa di jalan atau keluar dari tempat yang berbahaya.

Jika siswa berada di dalam kampus menemui orang yang tidak dikenali atau orang yang berkelihatan aneh, harus segera melaporkan kepada guru atau segera pergi ke tempat yang ramai dan market yang terdekat, dan juga boleh berteriak dengan suara yang keras untuk menarik perhatian orang lain, atau mencari bantuan orang lain, mohon kepada ketua kelas masing-masing untuk memberitahu kepada teman-teman lain jika bersekolah pada malam hari, saat pulang sekolah melewati jalan atau gang yang sepi dan gelap, harus berhati-hati dan juga harus menjaga keamanan sendiri lihat apakah ada orang yang tidak dikenali mengikuti kita, dan harus menyiapkan barang-barang yang berguna seperti, semprotan serigala dan peluit, dll..., agar bisa dipakai pada waktu yang tepat.

二、防範一氧化碳中毒「四要」原則

1. 要保持環境的「通風」：避免陽台違規使用、加裝門窗、紗窗不潔及晾曬大量衣物等情形。
2. 要使用安全的「品牌」：熱水器應貼有 CNS（國家標準）及 TGAS（台灣瓦斯器具安全標誌）檢驗合格標示。
3. 要注意安全的「安裝」：熱水器應裝置於室外通風良好處所，選購室內型燃氣熱水器，應裝設適當的排氣管。
4. 要注意平時的「檢修」：熱水器應定期檢修或汰換，如發現有水溫不穩定現象或改變熱水器設置位置或更換組件時，均應請合格燃氣熱水器及其配管承裝業技術士為之。

二. Nguyên tắc "Bốn điều cần thiết" để ngăn ngừa ngộ độc carbon Monoxide

1. Giữ gìn môi trường "thông thoáng": không lạm dụng ban công bất hợp pháp, lắp đặt cửa ra vào và cửa sổ, không phơi nhiều quần áo trên ban công.
2. Phải sử dụng các sản phẩm an toàn: máy nước nóng phải được dán nhãn kiểm định CNS (Tiêu chuẩn Quốc gia) và TGAS (Nhãn hiệu An toàn Thiết bị Sử dụng Khí Đài Loan).
3. Chú ý "lắp đặt" các thiết bị an toàn: máy nước nóng nên được lắp đặt ở nơi thông thoáng ngoài trời, khi mua máy nước nóng gas trong nhà cần lắp đặt ống thoát khí phù hợp.
4. Chú ý "bảo dưỡng" thường xuyên: bình nóng lạnh nên thường xuyên đại tu hoặc thay thế, nếu thấy nhiệt độ nước không ổn định hoặc thay đổi vị trí đặt bình nóng lạnh hoặc thay thế linh kiện phải đủ tiêu chuẩn, máy nước nóng và công nghệ lắp đặt đường ống phù hợp với sản phẩm.

二、一酸化炭素中毒を防ぐための「4つの基本」原則

- 1.環境を保つため「換気」をする:バルコニーの違法な使用、ドアや窓の増設、汚れた網戸、大量の衣服を干すことを避けてください。
- 2.安全な「ブランド」を使用する:給湯器には CNS（国家標準）および TGAS（台湾ガス器具安全マーク）の検査マークを付ける必要があります。
- 3.安全な場所に「設置」する:給湯器は屋外の換気の良い場所に設置する必要があります。屋内ガス給湯器を購入するときは、適切な排気管を設置する必要があります。
4. 定期的な「メンテナンス」
給湯器は定期的に点検・交換する必要があります。水温が不安定になったり、給湯器の設置場所を変えたり、部品を交換したりする場合は、資格のあるガス給湯器とその配管工事業者の技術者に依頼してください。

二 , Empat Prinsip Mencegah Keracunan Karbon Monoksida

1. Harus menjaga lingkungan (berventilasi):Hindari penggunaan balkon secara ilegal,memasang pintu dan jendela,jelas tidak bersih atau menjemur pakaian yang terlalu banyak.
2. Harus menggunakan barang yang aman(Merek):Pemanas air harus ada stiker CNS(Standar Nasional)dan TGAS(Tanda Keamanan Peralatan GAS Taiwan)tanda inspeksi.
3. Perhatikan Keamanan(Instalasi):pemanas air harus dipasang ditempt yang berventilasi baik diluar ruangan ,saat membeli pemanas air ,harus memasang pipa knalpos yang sesuai di pasang.
4. Pada waktu biasa melakukan(perawatan): Pemanas air harus dirombak ata diganti secara teratur ,Jika suhu air ditemukan tidak stabil atau posisi pengaturan pemanas air diubah atau komponen diganti,pemanas air gas yang memenuhi syarat dan teknisi instalasi perpipaanya harus diundang untuk melakukannya.

三、賃居安全

使用瓦斯熱水器沐浴及瓦斯爐煮食時，要注意室內空氣流通，使用時切忌將門窗緊閉，易導致因瓦斯燃燒不完全，而肇生一氧化碳中毒事件；有頭昏、噁心、嗜睡等身體不適情況發生，應立即打開通往室外的窗戶通風，若身體嚴重不適時，請先前往通風良好的室外環境，再打 119 電話或與親友(學校)求助，以維護學生自身安全。外出及就寢前亦必須檢查用電及瓦斯是否已關閉，以確保安全。

學校會主動關心校外租屋學生，並藉由訪視賃居，特別提醒學生使用電器、瓦斯熱水器等使用安全事項，以避免意外事件發生。此外，參考內政部消防署網站 (<http://www.nfa.gov.tw/main/Unit.aspx?ID=&MenuID=500&ListID=319>) 有關「防範一氧化碳中毒居家安全診斷表」，並運用寄發家長聯繫函，使學生了解自我檢查方法，以落實防範一氧化碳中毒作為。

三、Nhà trọ an toàn

Khi sử dụng bình đun nước nóng dùng gas để tắm rửa, đun nấu bằng bếp gas cần chú ý lưu thông không khí trong nhà, không đóng chặt cửa ra vào, cửa sổ khi sử dụng để gây ngộ độc khí carbon monoxide do khí đốt cháy không hoàn toàn, gây ra các triệu chứng chóng mặt, buồn nôn, buồn ngủ và các triệu chứng khác về thể chất. Trong trường hợp tình huống xấu xảy ra, bạn nên ngay lập tức mở cửa sổ dẫn ra bên ngoài để thông gió, nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi đến nơi thông thoáng, sau đó gọi 119 hoặc hỏi người thân và bạn bè (nhà trường) của bạn để được giúp đỡ để bảo vệ sự an toàn của chính bạn. Trước khi ra ngoài đi ngủ, bạn cũng phải kiểm tra xem điện, gas đã tắt chưa để đảm bảo an toàn.

Nhà trường sẽ chủ động quan tâm đến học sinh thuê nhà ngoài khuôn viên trường, thông qua các chuyến thăm nhà thuê, nhắc nhở đặc biệt sử dụng các thiết bị điện, bình nóng lạnh và các vấn đề an toàn khác để tránh tai nạn. Ngoài ra, hãy tham khảo trang web của Cục Cứu hỏa thuộc Bộ Nội vụ (<http://www.nfa.gov.tw/main/Unit.aspx?ID=&MenuID=500&ListID=319>) về "Chẩn đoán An toàn tại nhà Biểu mẫu Phòng chống ngộ độc khí Cacbon gửi phụ huynh Thư liên hệ nhằm tạo điều kiện cho học sinh nắm được phương pháp tự kiểm tra để thực hiện các biện pháp phòng chống ngộ độc khí cacbon monoxit.

三、ホームセーフティ

ガスの不完全燃焼や一酸化炭素中毒の原因となりますので、入浴用のガス給湯器や調理用のガスコンロを使用する際には、室内の空気の循環に注意し、ドアや窓を強く閉めないようにしてください。めまいや意識を失いそうなど 深刻な不快感を感じた場合は、安全を守るために、119 番に電話したり、友人や親戚（学校）に助けを求めたりする前に、風通しの良い屋外に移動してください。また、外出や就寝の前には、電気やガスが切れているかどうかを確認し、安全を確保する必要があります。

学校は校外の借家に住む生徒を率先して見守り、訪問して電化製品やガス給湯器の安全性を再認識させ、事故を未然に防ぐための注意喚起を行う。また、内務省消防局ホームページ (<http://www.nfa.gov.tw/main/Unit.aspx?ID=&MenuID=500&ListID=319>) に掲載されている「一酸化炭素中毒予防のための家庭安全診断シート」を参考にし、保護者の方には、一酸化炭素中毒予防を実施するための自己チェックの方法を知ってもらうための手紙を送付します。

三、Keamanan sewa rumah

Saat menggunakan pemanas air untuk mandi, atau memasak air panas dengan kompor gas, harus perhatikan sirkulasi udara dalam ruangan. Jangan menutup pintu dan jendela dengan rapat saat mengunakannya, Mudah menyebabkan kejadian keracunan karbon monoksida seperti; Mual, pusing, mengatuk, dan ketidaknyamanan fisik lainnya, segera buka jendela dan mengarah ke luar untuk berventilasi, Jika terasa tidak enak

badan, silakan pergi ke lingkungan yang berventilasi baik, dan segera hubungi 199 dan hubungi teman(sekolah) untuk meminta bantuan, untuk menjaga keamanan siswa, keluar atau sebelum tidur harus memeriksa listrik dan gas apakah sudah dimatikan, untuk memastikan keamanan.

Sekolah juga akan memperhatikan keadaan siswa yang bersewa rumah di luar sekolah, melalui kunjungan ke rumah sewa siswa, terutamanya mengingatkan siswa untuk menggunakan peralatan listrik, pemanas air berbahan bakar gas dan masalah keselamatan lainnya untuk menghindari kecelakaan. Selain itu, ada situs web Departemen Pemadam Kebakaran Kementerian Dalam Negeri (<http://www.nfa.gov.tw/main/Unit.aspx?ID=&MenuID=500&ListID=319>)

Berhubungan(Formulir Diagnosis Keamanan rumah untuk mencegah keracunan karbon monoksida dan mengirimkan surat kontak kepada orang tua untuk memungkinkan siswa memahami metode pemeriksaan mandiri untuk menerapkan langkah-langkah untuk mencegah keracunan karbon monoksida .

四、火災時逃生對策

(一)、平時

在平時即要有危機意識，多利用機會瞭解消防安全常識及逃生避難方法，另外，認識平時居住之環境或辦公處所之消防設施及逃生避難設備，事前擬妥逃生避難之計畫，並加以預習，於狀況發生時，便能從容應付，順利逃生。

(二)、進入陌生場所時

進入陌生場所時，應先尋找安全門、梯、查看有無加鎖，熟悉逃生路徑，尤其是夜宿飯店、旅館或三溫暖等公共場所，更應特別注意有兩個不同逃生方向出口最安全。消防安全檢查記錄不佳之場所更是避免進入為宜。

(三)、發生火警時

可採取下列三項措施：〔一〕滅火〔二〕報警〔三〕逃生。

〔一〕滅火

滅火最重時效，能於火源初萌時，立即予以撲滅，即能迅速遏止火災發生或蔓延，此時可利用就近之滅火機、消防栓箱之水瞄，從事滅火。如無法迅速取得這滅火器具，則可利用棉被、窗簾等沾濕來滅火。但如火有擴大蔓延之傾向，則應迅速撤退，至安全之處所。

〔二〕報警

發現火災時，應立即報警，如利用大樓內消防栓箱上之手動報警機，或是電話打“119”報警同時亦可大聲呼喊、敲門、喚醒他人知道火災之發生，而逃離現場。如打“119”報警，切勿心慌，一定要詳細說明火警發生之地址、處所、建築物狀況等，以便適切派遣消防車輛前往救災。

〔三〕逃生

當火災發生時，掌握契機，迅速判斷，正確的逃生，保全性命是最佳之道。逃生時，務必保持鎮定，切勿驚慌，以致張惶失措，更勿為攜帶貴重財物，而延誤了逃生的時機。

四. Các biện pháp thoát hiểm trong trường hợp hỏa hoạn

(1), Ngày thường

Phải có nhận thức rõ ràng , tận dụng cơ hội và có ý thức chung về an toàn cháy nổ và các phương pháp sơ tán. Ngoài ra, hiểu môi trường sống thường ngày, khuôn viên và các phương tiện phòng cháy chữa cháy, thiết bị sơ tán, lập kế hoạch sơ tán và di tản, Kiểm tra trước, Khi có tình huống xảy ra, bạn có thể giải quyết một cách bình tĩnh và thoát hiểm một cách an toàn.

(2) Khi đến một nơi xa lạ

Khi bước vào một nơi xa lạ, trước tiên, bạn nên tìm cửa an toàn, thang, kiểm tra khóa, làm quen với lối thoát hiểm, đặc biệt là qua đêm ở những nơi công cộng như nhà hàng, khách sạn hoặc phòng tắm hơi và

đặc biệt chú ý đến những lối thoát an toàn nhất với hai các hướng thoát hiểm khác nhau. Nên tránh vào những nơi có hồ sơ kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy sơ sài.

(3) Khi hỏa hoạn xảy ra

Có thể thực hiện ba biện pháp sau:

(1) dập lửa

(2) báo cảnh sát

(3) thoát nạn.

〔一〕 Dập lửa

Thời điểm chữa cháy quan trọng nhất là dập tắt được ngay khi nguồn lửa bắt đầu xuất hiện tránh lây lan, bạn có thể sử dụng bình chữa cháy gần đó hoặc tìm vòi chữa cháy để dập tắt đám cháy. Nếu không thể lấy bình chữa cháy nhanh chóng, bạn có thể dùng mền, rèm,... làm ướt để dập lửa. Tuy nhiên, nếu đám cháy có xu hướng lan rộng, bạn nên nhanh chóng rút lui đến nơi an toàn.

〔二〕 Báo động

Khi phát hiện ra cháy, bạn nên báo ngay cho cảnh sát, như dùng máy báo động bằng tay hoặc còi cứu hỏa của tòa nhà, hoặc gọi số "119" để báo cho cảnh sát. Ngoài ra, bạn cũng có thể hô to, gõ cửa..., đánh thức người khác biết có cháy để thoát chạy khỏi hiện trường. Gọi ngay vào số "119" để báo cảnh sát, đừng quá hoảng sợ, hãy bình tĩnh ghi rõ địa chỉ nơi xảy ra cháy để có thể điều động các phương tiện chữa cháy phù hợp đến cứu trợ.

〔三〕 Thoát hiểm

Khi xảy ra hỏa hoạn, cách tốt nhất là tìm thời cơ, phán đoán nhanh, thoát hiểm chính xác, cứu được tính mạng. Khi tẩu thoát, nhớ giữ bình tĩnh, đừng hoảng sợ, đừng trì hoãn thời gian thoát hiểm chỉ vì mang theo đồ vật có giá trị.

4、火災時の避難対策

(一)通常

普段から危機感を持ち、火災安全性や避難方法などの一般的な知識を理解する機会を利用する必要があります。また、生活環境やオフィスの消火設備や避難器具を熟知し、事前に避難計画を立ててシュミレーションしておけば、いざというときに対処でき、スムーズに脱出できます。

(2)警察への通報

火災を発見したら、すぐに警察に通報してください。例えば、建物内の消火栓ボックスに設置されている手動式の警報器を使ったり、電話で「119」番に通報したりすると同時に、大声を出したり、ドアをノックしたりして、他の人に火災を知らせて、その場から逃げてください。もし 119 番で火災を通報するときは、あわてずに、消防車が出動できるように、火災が発生した建物の住所、位置、状態などを詳しく伝えるようにしてください。

(3) 脱出

火災が発生したときには、そのきっかけをとらえて素早く判断し、正しく脱出することが命を守るための最善の方法です。避難する際は、落ち着いてください。パニックになって頭が真っ白になったり、貴重な持ち物を持って逃げ遅れたりしないようにしてください。

四、Tindakan melarikan diri saat terjadi kebakaran

(一) Kadang

Kadang kita harus mempunyai kesadaran yang krisis, harus banyak memanfaatkan kesempatan untuk memahami akal sehat keselamatan kebakaran dan metode evakuasi, selain itu, pahami lingkungan tempat anda & gedung kantor sekitar yang biasanya anda tinggal atau fasilitas pemadam kebakaran dan peralatan yang bermanfaat. Pada saat terjadi kebakaran anda bisa lolos keluar dan meninggalkan tempat kebakaran tersebut.

(二) Pada saat berada di lingkungan yang tidak dikenali

Pada saat berada di lingkungan yang tidak dikenali, harus mencari pintu keluar, tangga dan

memastikan tidak terkunci, dan harus mengetahui rute pelarian, terutama pada hotel bermalam, hotel atau tempat sauna dan tempat umum, dan harus lebih perhatikan ada dua jalan yang berbeda untuk menuju pintu keluar. Catatan inspeksi keselamatan yang buruk tidak baik, sebaiknya jangan pergi lebih bagus.

(三) Saat bel kebakaran berbunyi

Bisa menggunakan 3 cara: Pemadaman, Lapor Polisi, Melarikan Diri

A. Pemadaman

Pemadaman adalah paling penting, pada saat api masih kecil, harus segera memadamkan, bisa menghindari terjadi kebakaran, pada saat ini juga bisa menggunakan alat pemadam api yang berada di sekitar, kotak pemadam kebakaran adalah inti air, dapat memadamkan api. Jika tidak bisa mendapatkan alat pemadam api dengan cepat, Anda juga boleh menggunakan selimut, tirai, dll... Bahasi dulu untuk memadamkan api, namun jika api cenderung menjalar, sebaiknya segera mundur ke tempat yang aman.

B. Lapor Polisi

Saat terjadi kebakaran, harus segera lapor polisi, misalnya menggunakan gedung dalam yang memiliki mesin alarm manual, atau menghubungi 119, saat menghubungi juga boleh menggunakan suara yang keras, atau ketuk pintu, untuk menghubungi orang lain agar terjadi kebakaran, dan meninggalkan tempat tersebut. Pada saat menghubungi 119 lapor polisi, jangan gelisah, harus jelas dan mengerti keberadaan dan posisi alamat tempat, gedung, yang terjadi kebakaran, agar nyaman untuk memanggil mobil pemadam api.

C. Melarikan Diri

Pada saat terjadi kebakaran, Raih kesempatan itu, dengan cepat memastikan, arah menuju pintu keluar, memastikan menyelamatkan kehidupan sendiri. Pada saat melarikan diri, pastikan anda tenang, jangan gelisah, jangan panik, jangan karena mengambil barang yang berharga dan tertunda waktu untuk melarikan diri.

五、學生打工安全注意事項

相信不少同學在課堂之餘以“打工”增加社會經驗，不過千萬別忘了注意打工的安全，以免送入虎口：

1. 盡量在熟悉的環境裡：尋找熟悉的環境裡，雇主、或是同事當中有熟悉的人，比較不會被雇主惡意地佔便宜。就算發生意外，也比較有人照應。
2. 別被不實廣告宣傳迷惑：當你看見：高獎金、工作輕鬆、免經驗…這些字眼時，千萬要非常、非常警惕！攜伴同行、眼睛放亮面試時盡量攜伴同行，一起發揮三個臭皮匠的精神，好好觀察工作環境、雇主的說詞。
3. 絕對、絕對別把錢、與身分證掏出來：沒有任何一家正派經營的公司，會在面試員工時要求員工繳交保證金、訓練費、產品工本費…等任何名義的費用。還有，在正式被一家公司任用之前，要求繳交身分證也是不當的要求。他很有可能把你當成逃漏稅、甚至其他不法行為的人頭。
4. 誤入不正當行業：到性行業或違法的事業去打工，會染上不當習性，或是使生活作習改變，不再參與家庭生活，減少與同學互動，生活變得萎靡不振。
5. 誤觸法律：販賣違禁藥或電腦大補帖等等，均為違法行為，在不當場所打工，不但會連累父母親，自己前途也因貪得數百元小小利益而報廢。

五. Các biện pháp an toàn trong làm việc bán thời gian của sinh viên

Tôi tin rằng nhiều sinh viên tìm việc "làm thêm" để tăng trải nghiệm xã hội của họ ngoài giờ học, nhưng đừng quên chú ý đến sự an toàn của mình, để không bị rơi vào những tình cảnh khó khăn:

1. Cố gắng tìm nơi làm việc tại một môi trường quen thuộc: Tìm một môi trường quen thuộc mà nhà tuyển dụng hoặc đồng nghiệp quen biết sẽ ít bị nhà tuyển dụng lợi dụng một cách ác ý. Ngay cả trong trường hợp xảy ra tai nạn, có nhiều người chăm sóc bạn hơn.
2. Đừng tò mò trước những lời quảng cáo sai sự thật: Khi bạn nhìn thấy những dòng chữ: thưởng cao, công

việc dễ dàng, không cần kinh nghiệm ..., hãy hết sức cảnh giác! Hãy mang theo những người bạn đồng hành của bạn và luôn mở rộng tầm mắt Cố gắng đưa những người bạn đồng hành của bạn đi cùng trong buổi phỏng vấn. Hãy giữ một cái đầu lạnh để quan sát môi trường làm việc và những cử chỉ hành động của nhà tuyển dụng.

3. Tuyệt đối không được đóng bất kì một khoản tiền phí nào: không một công ty đảng hoàng nào lại yêu cầu nhân viên đóng tiền bảo kê, phí đào tạo, giá thành sản phẩm,...bất kì khoản chi phí nào khi phỏng vấn nhân viên. Ngoài ra, việc yêu cầu phải có CMND trước khi được vào làm việc chính thức tại một công ty cũng là một yêu cầu không đúng. Anh ta rất có thể là người đứng đầu về hành vi trốn thuế, hoặc thậm chí là những hành vi sai trái khác.
4. Kinh doanh lừa đảo: làm việc trong ngành công nghiệp tình dục hoặc kinh doanh bất hợp pháp, bạn sẽ có những thói quen không đúng đắn, hoặc thay đổi tập quán sống, không còn tham gia vào cuộc sống gia đình, giảm tương tác với bạn học, và cuộc sống sẽ trở nên trầm cảm.
5. Sai phạm pháp luật: Bán thuốc cấm, ... đều là những hành vi phạm pháp, làm việc không đúng nơi không chỉ làm cha mẹ đau lòng, mà tương lai của chính bạn cũng sẽ bị tiêu tan vì lòng tham đó.

五.学生のアルバイト安全のための注意事項

多くの学生が授業外での社会経験を増やすために「アルバイト」を利用していると思いますが、アルバイトの安全性に配慮してください:

1. 慣れ親しんだ環境に身を置くようにする
雇用主や同僚に親しい人がいるような環境に身を置くようにすると、雇用主に悪意を持って利用される可能性が低くなります。万が一、事故に遭っても、誰かに対応してもらえます。
2. 虚偽の広告に騙されない
高額なボーナス、簡単な仕事、未経験者...などの言葉を目にしたら、くれぐれも注意してください。パートナーと一緒に、目を凝らして面接に臨みましょう。職場環境もしっかり観察してください。
4. 間違った職業に就く
性産業や違法なビジネスに従事していると、不適切な習慣やライフスタイルの変化、家庭生活からの離脱、同級生との交流の減少、鬱屈した生活などが起こります。
5. 法に基づく不正行為
違法薬物やパソコン用ディスクなどを販売することは違法です。不適切な場所で働くと、親を巻き込んでしまうだけでなく、数百円の利益のために自分の将来が台無しになってしまいます。

五 , Hal-hal yang harus perhatiakn untuk siswa yang bekerja

Sangat memastikan bnayak siswa yang banyak pergi “bekerja” untuk menambah pengalaman bekerja, sangat lupa harus perhatikan keamanan dalam bekerja, agar tidak memasuki kemulut harimau(memasuki tempat bahaya):

1. Cobalah berada di lingkungan yang akrab:mencari tempat yang kenali,majikan,dan rekan kerja yang akrab, agar tidak memberi kesempatan kepada majikan untuk memanfaatkan dengan berniat jahat. Jika terjadi apa-apa, setidaknya ada teman yang bisa saling jaga .
2. Jangan tertipu oleh iklan palsu:saat anda melihat :gaji tinggi,kerjaan mudah,tidak perlu pengalaman kerja....saat melihat kata-kata ini haruslah berhati-hati berhati-hati !Ajak teman -teman saat interview,dan gunakan cara ketiga kepala(kompromi bersama teman-teman unuk mendapatkan cara yang baik)dan mengamati lingkungan tempat kerja ,dan perkataan majikan.

3. Benar -benar jangan memberikan uang atau kartu identitas .tidak ada perkantoran yang saat interview meminta uang deposit,biaya pelatihan,biaya produk,dan biaya lainnya...

六、騎乘機車安全準則

- (一) 佩戴合格貼實合適的安全帽，扣好繫頸帶（以能深入一指之鬆緊為宜）。
- (二) 後載乘客不得側坐，載運物品不得超載，並應捆綁穩定。
- (三) 蛇行與逆向行駛最危險。
- (四) 大型車、聯結車視線差，機車要保持安全距離。
- (五) 轉彎時應先開啟燈號告知其他車輛。
- (六) 左轉最好採二段式左轉，以保障行車安全。
- (七) 雨天騎乘機車應著貼身雨衣，不可撐傘。

6. Hướng dẫn an toàn khi đi mô tô

- (1) Đội mũ bảo hộ đủ tiêu chuẩn, vừa khít và phù hợp, đồng thời thắt chặt dây đai= an toàn.
- (2) Hành khách ngồi phía sau không được ngồi nghiêng, không được chở vật dụng không quá tải và phải được buộc chặt và ổn định.
- (3) Không được đi ngược chiều vì nó cực kì gây nguy hiểm.
- (4) Các loại phương tiện lớn có tầm nhìn kém, phải duy trì khoảng cách an toàn.
- (5) Khi rẽ phải bật đèn báo hiệu để thông báo cho các phương tiện khác.
- (6) Rẽ trái tốt nhất nên sử dụng rẽ trái hai giai đoạn để đảm bảo an toàn khi lái xe.
- (7) Khi đi xe máy vào những ngày mưa, bạn nên mặc áo mưa cá nhân, không nên mang ô.

六. バイクの安全ガイドライン

- (1) 適切に装着されたヘルメットを着用し、ベルトを締める（指一本入るぐらい）。
- (2) 後部座席の人は横向きに座らず、荷物を積みすぎないようにして、しっかりとベルトを締める。
- (3) 蛇行と逆走が最も危険です。
- (4) 見通しの悪い大型車両や連結車両からは安全な距離を保つ。
- (5) 曲がるときはライトを点灯して他の車に知らせる。
- (6) 安全のためには、2段階の左折をするのがベストです。
- (7) 雨の日にバイクを運転するときは、傘ではなく、体にフィットしたレインコートを着用してください。

六 , Pedoman Keselamatan Mengendarai Sepeda Motor

- (一) Menggunakan Helm yang berkualitas dan pas dan ikatlah tali pengikatnya.
- (二) Penumpang yang dibelakang tidak diperbolehkan duduk miring, membawa barang-barang juga tidak boleh keberatan, dan barang tersebut harus diikat dengan stabil sama berat.
- (三) Mengular dan mengemudi arah terbalik adalah paling bahaya
- (四) Sepeda Motor yang besar, Kerdaraan yang berhubungan pandangannya paling buruk, sepeda motor harus menjaga jarak .
- (五) Saat berbelok harus menyalakan lampu arah untuk memberitahukan kepada pengemudi yang di belakang
- (六) Sebelum belok kiri sebaiknya gunakan pembelokan tahan dua , agar bisa menjaga keamanan saat mengemudi
- (七) Saat musim hujan sebaiknya menggunakan jas hujan , tidak diperbolehkan

menggunakan payung.

七、別被騙了！遊戲點數不是萬能的

隨著網際網路的發展，電腦遊戲從一個人默默的玩，演變為連上網路與其他玩家對戰，為了營商利潤，各家廠商推出遊戲點數卡讓玩家購買，以便享受更好的遊戲品質，只要輸入卡片上的帳號及密碼即可獲得等值的商品，另一方面，詐騙集團也相中遊戲點數帳號密碼極為難記憶又具等值金錢的特性，經常作為網路交易詐騙工具使用。

從未接觸或不熟悉網路遊戲的民眾，對於遊戲點數用途、購買及儲值程序其實一無所知，只能依歹徒指示操作，加上帳號密碼均為亂數組成極難記憶，因此成為詐騙集團取得贓款之新興金流管道，警方呼籲，習慣於網路購物交易的民眾，千萬不要聽信任何人以「身分認證」、「解除分期付款設定」等理由，要求前往購買遊戲點數，這些均為歹徒常用說詞，請民眾勿輕易上當，有任何與詐騙相關疑問可撥打 165 反詐騙諮詢專線查證。

7, Đừng để bị lừa bởi các trò chơi tích điểm.

Với sự phát triển của Internet, các trò chơi máy tính đã phát triển từ việc một người chơi trở thành được kết nối Internet để đấu với những người chơi khác. Vì lợi nhuận kinh doanh, nhiều nhà sản xuất đã giới thiệu thẻ tích điểm trò chơi để người chơi mua để thưởng thức chất lượng game tốt hơn., chỉ cần nhập số tài khoản và mật khẩu trên thẻ là có thể đổi được hàng hóa tương đương. Mặt khác, các trò lừa đảo rất tinh vi, và sử dụng các công cụ gian lận trong giao dịch.

Những người chưa từng tiếp xúc hoặc chưa quen với trò chơi trực tuyến thực sự không biết gì về việc sử dụng điểm trò chơi, thủ tục mua bán và lưu trữ, chỉ có thể hoạt động theo hướng dẫn của họ. Tài khoản và mật khẩu đều bao gồm số ngẫu nhiên, cực kỳ khó nhớ. Do đó, nó đã trở thành một kênh tài chính mới nổi cho các nhóm lừa đảo để lấy tiền. Cảnh sát khuyến cáo rằng không nên giao dịch mua sắm trực tuyến và không bao giờ nghe bất cứ ai khi họ yêu cầu bạn mua thẻ trò chơi trên cơ sở "xác thực danh tính", "thanh toán trả góp", v.v., những cách này thường được bọn tội phạm sử dụng, đừng dễ tin người. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào về vấn đề này, bạn có thể gọi cho đường dây nóng 165 chống gian lận để được tư vấn chính xác.

七.だまされないで! ゲームポイントは万能ではないです

インターネットの発達により、コンピュータゲームは一人で黙々と遊ぶものから、インターネットに接続して他のプレイヤーと対戦するものへと進化した。ビジネスとして利益を上げるために、様々なメーカーがゲームの質を高めるためにプレイヤーが購入するゲームポイントカードを導入しています。その一方で、ゲームポイントのアカウントは非常に覚えにくく、金銭的な価値があることを利用して、オンライン取引の詐欺のツールとして利用されることもあります。オンラインゲームをプレイしたことがない人や、オンラインゲームに慣れていない人は、ゲームポイントの使い方や購入・保存の手順などがわからず、犯人の指示に従うしかありません。警察は、オンラインショッピングの取引に慣れている人に、「本人確認」や「分割払い設定の解除」などを理由にゲームポイントの購入を求めてくる人の話を聞かないように呼びかけています。詐欺に関するご質問は、165 Anti-Fraud Advice Line にお問い合わせください。

七, Jangan tertipu! Poin game bukan segalanya

Dengan perkembangan internet, game computer mulai hanya bermain sendiri, sekarang menjadi game online yang bermain sama pemain lainnya dan bias saling duel, agar bisa mendapatkan penghasilan, banyak produsen mengeluarkan poin game agar pemain beli, agar bisa menggunakan game dengan nyaman dan senang, jika memasuki akun dan password game yang berada di kartu bisa mendapatkan barang yang berharga, disisi lain, grup scam juga tertarik pada poin game dan menggunakan akun dan password yang memiliki poin dan

menggunkan poin tersebut menggantikan barang-barang yang setara dengan uang .hal ini sering terjadi dan menjadi penipuan transaksi online.

Kepada masyarakat yang tidak pernah atau tidak kenal sama game online, untuk kegunaan poin game, saat membeli poin game sebenarnya anda tidak tau apapun yang terjadi , anda hanya bias mendengar perintah dari orang yang menipu dan melakukannya, akun dan password game sangat sulit untuk diingat ,akhirnya menjadi penipuan transaksi online, polisi memperingati kepada masyarakat yang sering menggunakan aplikasi online membeli barang , jangan percaya kepada orang-orang yang mengatakan menggunkan (verifikasi identitas), (batalkan pengaturan pembayaran cicilan), dan alasan lainnya , dan meminta anda membeli poin game , inilah orang-orang yang penipu yang sering meminta kita lakukan ,mohon kepada masyarakat jangan sembarang tertipu, jika terhadap grup scam ada pertanyaan , juga bias menghubungi 165 verifikasi online tentang konsultasi anti penipuan.

八、預防網路賭博犯罪

近來媒體報導學生利用網路簽賭之案件時有所聞，其內容突顯網路賭博犯罪及其行為可能衍生犯罪事實之罪刑，如偽造文書、殺人、傷害、妨害自由、竊盜、搶奪強盜、恐嚇、擄人勒贖等，往往比賭博本刑更嚴重；另藉由網路媒介所衍生之犯罪行為，如網路色情、網路販賣毒品、網路詐騙、恐嚇、誹謗與公然侮辱等犯罪行為，提醒本校師生勿輕易嘗試及以身試法，造成社會不安。

8. Ngăn chặn tội phạm cờ bạc trên Internet

Gần đây, báo chí đưa tin về các vụ học sinh sử dụng mạng Internet để đăng ký đánh bạc. Nội dung nêu rõ tội danh đánh bạc trực tuyến và các hành vi của chúng có thể dẫn đến tình tiết phạm tội như giả mạo tài liệu, giết người, hãm hại, cản trở tự do, trộm cắp, cướp giật, v.v ... Đe dọa, bắt cóc, đòi tiền chuộc, v.v ... thường nghiêm trọng hơn hình phạt cờ bạc. Ngoài ra, các tội bắt nguồn từ phương tiện Internet, chẳng hạn như khiêu dâm trên Internet, buôn bán ma túy trên Internet, lừa đảo trên Internet, đe dọa, vu khống và lăng mạ trắng trợn. Nhắc nhở giáo viên và học sinh của trường không nên thử, sẽ gây bất ổn xã hội.

八、インターネット・ギャンブル犯罪の防止

最近では、学生がインターネットを利用して賭博を行った事例がメディアで報道されていますが、その内容はインターネット賭博の罪を強調するものであり、その行為から派生する犯罪事実としては、偽造、殺人、暴行、自由妨害、窃盗、強盗、脅迫、身代金目的誘拐など、賭博の本来の刑罰よりも重いものが多いです。また、学生や教職員には、インターネット・ポルノ、インターネット薬物売買、インターネット詐欺、脅迫、名誉毀損、公衆の屈辱など、社会不安を引き起こすようなインターネットを通じた犯罪に挑戦したり、犯すような誘惑に負けないように注意しています。

八 , Mencegah kejahatan perjudian online

Baru-baru ini ,media memberitakan kasus pelajar menggunkan internet untuk mentandatangani perjudian online ,isinya perjudian online akan menyebabkan kejahatan-kejahatan lainnya, misalnya memalsukan dokumen, membunuh, menyakiti, menghalangi kebebasan, mencuri, merampok, intimidasi, penculikan, dll..., lebih parah dari perjudian ;selain itu ,tindakan pidana juga bias berasal dari media internet, seperti pornografi, menjual narkoba di internet ,penipuan online ,intimidasi, membuat nama baik orang lain menjadi jahat, penghinaan .Mengingatkan kepada guru dan siswa jangan coba untuk melakukan, agar tidak menyebabkan keresahan social.

九、如何向毒品說不？

有一天，西西神秘兮兮地拿了一些像冰糖的東西，對東東說「好東西要和好朋友分享」。東東之前從學校老師那裡學到，那可能是安非它命或K他命，東東該怎麼做？拒絕他們是唯一正確的作法，千萬不能為了不得罪朋友而嘗試毒品，因為一旦有第一次，就有第二次、第三次，只有堅定拒絕，才能保有完整的自我！

拒絕的方法有七招：

- 第一招：訴諸友誼「如果你們夠朋友的話，就不要強迫我做我不想做的事。」
- 第二招：反激將法「如果因為你們說我沒種，我就吸，那才真的沒種呢！」
- 第三招：告知理由「我才不幹呢！吸毒是犯法的，我不想惹麻煩！」
- 第四招：自我解嘲「我爸說如果我吸毒就斃了我，我可不想那麼早死！」
- 第五招：轉移焦點「吸毒有什麼好玩，最近有一部好電影，一起去看吧！」
- 第六招：藉故離開「對不起，我跟我哥約好了要去買電腦，再不走來不及了。」
- 第七招：藉口搪塞「我明天要去醫生那裡，現在不能吸，否則鐵定被發現！」

9. Làm thế nào để nói không với ma túy?

Một ngày nọ, Tư Tư bí ẩn lấy một thứ giống như kẹo đá và nói với Đông Đông, "Những điều tốt đẹp nhất nên được chia sẻ với những người bạn tốt."

Đông Đông học được từ giáo viên của trường trước đây, đó có thể là số phận amphetamine hoặc số phận ketamine, Đông Đông nên phải làm gì?

Từ chối họ là cách đúng đắn duy nhất. Bạn không nên vì mặt long bạn bè mà dùng thử ma túy, bởi vì đã có lần đầu tiên, sẽ có lần thứ hai và lần thứ 3. Chỉ bằng cách từ chối kiên quyết, bạn mới có thể bảo vệ được chính mình!

Có 7 cách để từ chối:

Cách thứ nhất: "Nếu là bạn, đừng ép tôi làm những điều tôi không muốn".

Cách thứ hai: "Bạn nói sẽ không sao, nếu tôi hút, nếu thực sự có vấn đề!"

Cách thứ ba: "Tôi không được phép làm vậy! Uống thuốc là bất hợp pháp và tôi không muốn gây rắc rối!"

Cách thứ tư: "Ba tôi nói nếu tôi uống thuốc, ông ấy sẽ giết tôi, tôi không muốn chết sớm như vậy!"

Cách thứ năm: "Uống thuốc có gì vui? Gần đây có một bộ phim hay, chúng ta cùng nhau đi xem nhé!"

Cách thứ sáu: "Xin lỗi, tôi đã hẹn với anh trai tôi để mua máy tính, sợ sẽ muộn."

Cách thứ bảy: "Mai em đi khám bệnh, bây giờ em không chơi được, nếu không chắc chắn sẽ bị phát hiện!"

9. ドラッグを断るには？

ある日、シシーは不思議なことにアイシング・キャンディのようなものを手に取り、イーストに「良いものは良い友達と分かち合うべきだ」と言いました。以前、学校の先生からアンフェタミンやケタミンの可能性があると教わった東は、どうすればいいのでしょうか。唯一の正しい方法は、それらを拒否することであり、友人を怒らせないために薬を試すことは決してありません。なぜなら、1回目があれば、2回目、3回目もあるからです

断り方には7つの方法があります。

- 1: 友情に訴える「十分に友達なら、やりたくないことを無理にやらせないでほしい。」
- 2: 反撃: 「度胸がないと言われて吸ったら、本当に度胸がないのか!？」
- 3: 「やらない!」と理由をつける。薬物をやるのは法律違反だし、トラブルに巻き込まれたくないからね!」。
- 4: 自虐ネタ「親父が麻薬をやったら撃つって言ってたんだけど、そんな早く死にたくないんだよな〜。」
- 5: フォーラスを変える「ドラッグをやって何が楽しいんだ! 最近いい映画があるから見に行こうぜ!」。
- 6: 帰るための言い訳「ごめんなさい、お兄ちゃんと一緒にパソコンを買いに行くので、帰らないと遅刻してしまいます。」
- 7: 言い訳「明日は医者に行かないといけないので、今はできません、そうしないとバレてしまいます」

九 , Bagaimana cara mengatakan Stop Narkoba?

Suatu hari,Xixi mengambil ice permen secara misterius dan berkata kepada Dongdong “barang yang baik harus saling berbagi kepada teman baik” .

Dongdong dulu disekolah pernah diajarin sama guru,ini kemungkinan adalah obat METHAMPHETAMINE atau obat KETAMINE , apa yang harus Dongdong lakukan ?

Menolak adalah cara yang terbaik,jangan mencoba narkoba hanya karna tidak menyinggung perasaan teman , sebab pernah menyoba sekali maka akan pertama kali ,kedua kali ,dan ketiga kalinya ,Jika kita nekad untuk menolak,maka kita dapat mempertahankan diri secara utuh!

Ada 7 cara menolak narkoba:

1. Perbandingan sahabat(jika kamu adalah sahabatku ,maka jangan memaksa saya untuk melakukan hal yang saya tidak sukai.)
2. Berkata terbalik (karena kalian mengatakan saya tidak berani,saya akan mengisap,kalua seperti itu adalah benar-benar tidak berani)
3. Memberi tahu kepada niat kita (saya tidak mau melakukannya!mengisap narkoba adalah melakukan tindakan hokum,saya tidak mau mencari masalah !)
4. Mencela diri sendiri(ayah berkata jika saya mengisap narkoba ,maka ia akan membunuhku ,saya tidak mau muda-muda sudah mati)
5. Alihkan focus(mengisap narkoba mana ada keasyikan , baru-baru ada movie baru , mari kita pergi nonton saja!)
6. Pergi dengan alasan(sorry ,saya lagi ada janji sama abang saya pergi beli computer,kalua tidak berangkat nanti ga keburu!)
7. Mencari alasan lain(saya besok mau kerumah sakit,sekarang tidak boleh mengisap,kalua tidak saya bakalan ketahuan !

十、誰來定義性騷擾？

判斷性騷擾的方法是——看當事人的反應！即使只是一個輕微的動作或是一個你認為的所謂「無傷大雅」的玩笑，只要是對方不喜歡或是令對方感到困擾的，都有可能算是性騷擾，絕對不應繼續下去。也就是說，性騷擾的認定標準要以「接受者」而非「行為人」之主觀感受為主。

年輕人常常說的一句話是「只要我喜歡，有什麼不可以！」，而在性騷擾的界定與態度上，這句話應該改成「只要我不喜歡，他／她就不可！」以及「只要他／她不喜歡，我就不可！」。只要秉持著這樣一份人與人之間絕對的尊重，你就會發現要界定性騷擾其實並不難。

10. Định nghĩa quấy rối tình dục?

Cách để đánh giá hành vi quấy rối tình dục là xem phản ứng của người đó! Ngay cả một cử động nhẹ hoặc một trò đùa mà bạn cho là "vô tội", miễn là đối phương không thích hoặc làm phiền đối phương, thì đó có thể được coi là hành vi quấy rối tình dục và không bao giờ được tiếp tục. Nói cách khác, tiêu chuẩn để xác định hành vi quấy rối tình dục cần dựa trên cảm nhận chủ quan của “người nhận” chứ không phải của “kẻ gây án”.

Một câu các bạn trẻ hay nói là “Chỉ cần mình thích là được, việc gì mà không thể làm!” Về định nghĩa và thái độ của quấy rối tình dục, câu này nên đổi thành “Một khi mình không thích, anh ấy / cô ấy không được làm! "và" Chỉ cần anh ấy / cô ấy không thích, tôi không thể! ". Miễn là bạn tôn trọng tuyệt đối giữa mọi người, bạn sẽ thấy rằng không khó để định nghĩa về quấy rối tình dục.

10.セクシャルハラスメントの定義は？

セクシャルハラスメントを判断する方法は、相手の反応を見ることです。自分では「害がない」と思っているちょっとした仕草や冗談でも、相手がそれを嫌がったり気にしたりすると、セクハラとみなされる可能性がありますので、絶対に続けてはいけません。つまり、セクハラは

「加害者」ではなく「受け手」の主観的な感情で判断されるべきものなのです。若い人たちの間では、「私が好きなら、いい」という言葉がよく聞かれます。 セクシャルハラスメントの定義や姿勢については、「私が嫌なら、彼/彼女はダメ！」や「本人が嫌がっているから無理！」とかいう表現に変えるべきです。このように人と人との間に絶対的な敬意があれば、セクシャルハラスメントを定義することは難しいことではないと思われます。

十 , Siapa yang mendefinisi pencelecehan seksual?

Cara mempertimbangkan terjadi pencelecehan seksual adalah melihat reaksi orang tersebut! Bahkan hanya gerakan yang kecil atau lelucon “tidak bersalah” selama pihak tidak menyukai atau merasa terganggu maka boleh dianggap pencelecehan seksual, maka tidak boleh melanjutkan , dengan kata lain , standar terjadi pelecehan seksual pada perasaan subjektif dari “penerima” dari “pelaku.

Anak Muda sering mengatakan “Asalkan saya suka, apa yang tidak bisa dilakukan?” dalam pengertian pelecehan seksual “selama saya tidak suka, dia tidak boleh melakukannya!” atau “jika dia tidak suka, maka saya tidak melakukan!” Selama anda menjunjung tinggi rasa hormat yang mutlak di antara orang-orang , maka anda akan menemukan bahwa tidak sulit untuk mendefinisikan pelecehan seksual.